BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1765 /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày 28tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp bộ mở mới năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp bộ mở mới năm 2025 đối với các lĩnh vực chuyên ngành thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Quyết định số 1309/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp bộ mở mới năm 2025 đối với các lĩnh vực chuyên ngành thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chi tiết danh mục các nhiệm vụ tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức xét duyệt hồ sơ thuyết minh, thẩm định nội dung, dự toán kinh phí, trình phê duyệt

các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Điều 1 Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu VT, Hồ sơ, KHCN, NAD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Trần Quý Kiên

Phụ lục 1

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỘC LẬP CẤP BỘ MỞ MỚI NĂM 2025
Lĩnh vực Môi trường

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
1.	TNMT.ĐL.2025.04.17. Nghiên cứu cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và đề xuất hướng dẫn đánh giá rủi ro trong thành lập các biện pháp bảo tồn khu vực hiệu quả khác ngoài khu bảo tồn (OECM)	Làm rõ được cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và đề xuất hướng dẫn đánh giá rủi ro trong thành lập các biện pháp bảo tồn khu vực hiệu quả khác ngoài khu bảo tồn (OECM)	1. Luận cứ khoa học về đánh giá rủi ro trong thành lập các biện pháp bảo tồn khu vực hiệu quả khác ngoài khu bảo tồn (OECM). 2. Báo cáo đánh giá hiện trạng một số khu vực/mô hình OECM tiềm năng tại VN và các rủi ro khi thành lập. 3. Dự thảo hướng dẫn đánh giá rủi ro trong thành lập các biện pháp bảo tồn khu vực hiệu quả khác ngoài khu bảo tồn (OECM). 4. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 5. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm ≥ 0,5.	Tuyển chọn
2.	TNMT.ĐL.2025.04.20. Nghiên cứu đề xuất mô hình và giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn trong hoạt động chế biến thủy sản	1. Đề xuất được công nghệ ứng dụng trong tái chế, tái sử dụng và tận thu các chất thải từ hoạt động chế biến thủy sản. 2. Đánh giá được khả năng áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong chế biến thủy sản. 3. Đề xuất được giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách	1. Báo cáo đề xuất công nghệ tái chế, tái sử dụng và tận thu chất thải từ hoạt động chế biến thủy sản. 2. Báo cáo đề xuất mô hình kinh tế tuần hoàn trong chế biến thủy sản tại một số cơ sở sản xuất được lựa chọn. 3. Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật mô hình kinh tế tuần hoàn tại một số cơ sở chế biến thủy sản. 4. Báo cáo giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn trong hoạt động chế biến thủy sản. 5. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 6. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm > 0,5. 7. Đào tạo 01 thạc sĩ.	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
		kinh tế tuần hoàn trong hoạt động chế biến thủy sản.		
3.	TNMT.ĐL.2025.04.23. Nghiên cứu, cải tiến thiết bị li tâm tốc độ cao (HGRPB) để thu hồi và lưu giữ CO_2 trong khí thải lò đốt chất thải rắn đô thị và nồi hơi sử dụng nhiên liệu hóa thạch	Cải tiến được hệ thống thu hồi và lưu giữ CO_2 trong khí thải lò đốt chất thải rắn đô thị và nồi hơi sử dụng nhiên liệu hóa thạch	1. Báo cáo tổng quan về cải tiến và ứng dụng thiết bị li tâm tốc độ cao (HGRPB) để thu hồi và lưu giữ CO_2 trên thế giới và Việt Nam. 2. 01 Hệ thống xử lý khí thải (lò đốt chất thải rắn đô thị và nồi hơi sử dụng nhiên liệu hóa thạch) quy mô 1000 - 2.000 m^3/h đạt tiêu chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT và có khả năng thu hồi, lưu giữ 80% thành phần CO_2 trong khí thải dưới dạng muối cacbonat và hydrocacbonat. 3. 01 Quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải (lò đốt chất thải rắn đô thị và nồi hơi sử dụng nhiên liệu hóa thạch) quy mô 1000 – 2.000 m^3/h và có khả năng thu hồi và lưu giữ 80% CO_2 dưới dạng muối cacbonat và hydrocacbonat được cơ quan chủ trì có quyết định công nhận. 4. 01 thuyết minh tính toán và hồ sơ thiết kế Hệ thống xử lý khí thải (lò đốt chất thải rắn đô thị và nồi hơi sử dụng nhiên liệu hóa thạch) quy mô 1000 - 2.000 m^3/h đạt tiêu chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT và có khả năng thu hồi, lưu giữ 80% thành phần CO_2 trong khí thải dưới dạng muối cacbonat và hydrocacbonat được cơ quan chủ trì có quyết định công nhận. 5. 01 giải pháp hữu ích được chấp nhận đơn. 6. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 7. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm > 0,5. 8. Đào tạo 01 thạc sĩ.	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
4.	TNMT.ĐL.2025.04.24. Nghiên cứu cơ sở pháp lý, kinh nghiệm quốc tế và đề xuất nội luật hóa cơ chế khuyến khích bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển ở các vùng biển ngoài quyền tài phán quốc gia	1. Xác định được tiềm năng và phạm vi nội luật hóa các quy định về hợp tác, triển khai bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển ngoài vùng tài phán quốc gia. 2. Đề xuất được các nội dung nội luật hóa về cơ chế khuyến khích cụ thể trong hệ thống pháp luật quốc gia nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển ở các vùng biển ngoài quyền tài phán quốc gia.	1. Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về hợp tác, triển khai bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển ngoài vùng tài phán quốc gia. 2. Báo cáo cơ sở pháp lý, tiềm năng và phạm vi nội luật hóa các quy định về hợp tác, triển khai bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển ngoài vùng tài phán quốc gia. 3. Báo cáo phân tích, đánh giá hiện trạng pháp luật quốc gia liên quan đến cơ chế khuyến khích bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển ngoài vùng tài phán quốc gia. 4. Báo cáo đề xuất nội luật hóa cơ chế khuyến khích cụ thể trong hệ thống pháp luật quốc gia nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển ở các vùng biển ngoài quyền tài phán quốc gia. 5. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 6. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm ≥ 0,5.	Tuyển chọn
5.	TNMT.ĐL.2025.04.25. Nghiên cứu áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn và đề xuất hoàn thiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các sản phẩm nhựa thân thiện môi trường tại Việt Nam	1. Đánh giá được hiện trạng hệ thống chính sách ưu đãi, hỗ trợ sản phẩm nhựa thân thiện môi trường trong bối cảnh thực hiện kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. 2. Đề xuất được nội dung hướng dẫn quy định của Luật BVMT 2020 về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với	1. Báo cáo cơ sở lý luận về quản lý, sử dụng sản phẩm nhựa thân thiện môi trường. 2. Báo cáo đánh giá hiện trạng về hệ thống chính sách ưu đãi, hỗ trợ sản phẩm nhựa thân thiện môi trường trong bối cảnh thực hiện kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. 3. Báo cáo về mô hình áp dụng kinh tế tuần hoàn trong chuyển đổi, phát triển, quản lý và sử dụng sản phẩm nhựa thân thiện môi trường. 4. Đề xuất nội dung hướng dẫn quy định của Luật BVMT 2020 về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các sản phẩm	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
		các sản phẩm nhựa thân thiện môi trường; đề xuất bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa được đề cập trong Luật và chưa được hướng dẫn cụ thể tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP.	nhựa thân thiện môi trường; đề xuất bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ chưa được đề cập trong Luật và chưa được hướng dẫn cụ thể tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam và đánh giá tính khả thi của các đề xuất 5. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 6. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm ≥ 0,5.	
6.	TNMT.ĐL.2025.04.26. Nghiên cứu xây dựng mô hình giảm thiểu và xử lý chất thải rắn cho các khu vực nông thôn thuộc vùng đồng bằng sông Hồng	1. Đánh giá được thực trạng các mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt và phế phẩm nông nghiệp khu vực nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng. 2. Xây dựng được mô hình giảm thiểu và xử lý tích hợp chất thải rắn sinh hoạt với phế phẩm nông nghiệp tại một khu vực nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng.	1. Báo cáo tổng quan về hiện trạng phát sinh chất thải, các tác động môi trường, và hiệu quả của các mô hình quản lý chất thải rắn phát sinh từ hoạt động nông nghiệp và sinh hoạt nông thôn ở Việt Nam. 2. Báo cáo kết quả triển khai xây dựng mô hình giảm thiểu và xử lý chất thải rắn hữu cơ cho một khu dân cư nông thôn ven đô thuộc vùng đồng bằng sông Hồng. 3. Báo cáo kết quả triển khai xây dựng mô hình giảm thiểu và công nghệ xử lý tích hợp chất thải rắn sinh hoạt với phế phẩm nông nghiệp tại một khu vực thuần nông trên địa bàn tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng. 4. Tài liệu hướng dẫn phân loại và xử lý chất thải rắn nông thôn áp dụng tại các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng. 5. Giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế tác động của chất thải khu vực nông thôn lên môi trường. 6. Bộ cơ sở dữ liệu thông tin về khối lượng/ thành phần các loại chất thải rắn phát sinh từ hoạt động nông nghiệp và sinh hoạt nông thôn khu vực đồng bằng sông Hồng. 7. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài.	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
			8. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm > 0,5.	
7.	TNMT.ĐL.2025.04.27. Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số nguy cơ ô nhiễm vi nhựa và đánh giá tích tụ vi nhựa trong một số loài động vật đáy thuộc hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng cửa sông ven biển Việt Nam	1. Xây dựng được bộ chỉ số đánh giá nguy cơ ô nhiễm vi nhựa (Microplastic Pollution Hazard Index – MPHI) ở một số loài động vật đáy trong hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng cửa sông ven biển Việt Nam. 2. Đánh giá được sự tích tụ vi nhựa ở một số loài động vật đáy trong hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng cửa sông khu vực Nga Sơn - Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	1. Báo cáo tổng quan về xây dựng bộ chỉ số nguy cơ ô nhiễm vi nhựa trên thế giới và Việt Nam. 2. Báo cáo tổng quan về nghiên cứu đánh giá tích tụ vi nhựa trong một số loài động vật đáy thuộc hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng cửa sông ven biển trên Thế giới và Việt Nam. 3. Bộ chỉ số đánh giá nguy cơ ô nhiễm vi nhựa (Microplastic Pollution Hazard Index – MPHI) ở một số loài động vật đáy trong hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng cửa sông ven biển Việt Nam. 4. Bộ dữ liệu về mức độ tích tụ vi nhựa trong một số loài động vật đáy thuộc hệ sinh thái rừng ngập mặn vùng cửa sông khu vực Nga Sơn - Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. 5. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 6. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm > 0,5. 7. Đào tạo 01 thạc sĩ.	Tuyển chọn
8.	TNMT.ĐL.2025.04.28. Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí, quy trình kỹ thuật đánh giá tái sử dụng chất nạo vét vùng cửa sông ven biển và đề xuất các giải pháp thúc đẩy tái sử dụng chất nạo vét theo hướng kinh tế tuần hoàn	1. Xây dựng được bộ tiêu chí và quy trình kỹ thuật đánh giá khả năng tái sử dụng chất nạo vét làm vật liệu san lấp trong xây dựng và vật liệu đắp nền đường giao thông.	1. Báo cáo tổng quan về thực trạng hoạt động nạo vét luồng hàng hải và khả năng tái sử dụng chất nạo vét từ các vùng bờ Việt Nam. 2. Báo cáo kết quả khảo sát, phân tích chất nạo vét luồng hàng hải, cảng biển tại một khu vực nghiên cứu điển hình. 3. Bộ cơ sở dữ liệu về hiện trạng và nhu cầu nạo vét và khả năng tái sử dụng vật liệu nạo vét theo các mục đích	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
		3. Đề xuất được giải pháp thúc đẩy tái sử dụng chất nạo vét ở vùng bờ tại Việt Nam.	sử dụng trên toàn vùng bờ Việt Nam có khả năng truy vấn, cập nhật, nâng cấp… 4. Báo cáo cơ sở khoa học xây dựng bộ tiêu chí đánh giá khả năng tái sử dụng vật chất nạo vét làm vật liệu san lấp trong xây dựng và vật liệu đắp nền đường giao thông. 5. Dự thảo quy trình kỹ thuật đánh giá khả năng tái sử dụng vật chất nạo vét tại Việt Nam. 6. Báo cáo đề xuất giải pháp thúc đẩy tái sử dụng và quản lý vật chất nạo vét ở vùng bờ. 7. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 8. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm > 0,5. 9. Đào tạo 01 thạc sĩ.	
9.	TNMT.ĐL.2025.04.29. Nghiên cứu tích hợp công nghệ viễn thám và mô hình học máy trong phân tích biến động bãi thải mỏ và hàm lượng kim loại nặng tại các khu vực khai thác khoáng sản	1. Đánh giá được biến động bãi thải mỏ khu vực khai thác khoáng sản sử dụng ảnh dữ liệu viễn thám đa thời gian. 2. Dự báo được phân bố hàm lượng kim loại nặng trong đất tại một số khu vực khai thác khoáng sản. 2. Xây dựng được trang WebGIS hiển thị dữ liệu và bản đồ phân bố mức độ thải axít mỏ và ô nhiễm kim loại nặng trong đất tại các khu	1. Báo cáo khung tích hợp công nghệ viễn thám và mô hình học máy trong phân tích diện phân bố bãi thải mỏ và hàm lượng kim loại nặng. 2. Báo cáo phân tích biến động bãi thải mỏ khu vực khai thác khoáng sản và vùng lân cận sử dụng ảnh dữ liệu viễn thám đa thời gian tại các khu vực nghiên cứu lựa chọn. 3. Báo cáo kết quả phân tích hàm lượng kim loại nặng (As, Pb, Zn, Cd, Ni) trong đất tại một số khu vực khai thác khoáng sản được lựa chọn. 4. Báo cáo kết quả ứng dụng mô hình học máy phân tích, dự báo phân bố hàm lượng kim loại nặng trong đất tại một số khu vực khai thác khoáng sản được lựa chọn. 5. Trang WebGIS hiển thị dữ liệu và bản đồ phân bố mức độ thải axít mỏ và ô nhiễm kim loại nặng trong đất tại	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
		vực khai thác khoáng sảnđược lựa chọn.	khu vực khai thác khoáng sản tại các khu vực nghiên cứu lựa chọn. 6. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 7. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm > 0,5. 8. Đào tạo 01 thạc sĩ.	

Phụ lục 2

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỘC LẬP CẤP BỘ MỞ MỚI NĂM 2025
Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
1	TNMT.ĐL.2025.06.03. Đánh giá tính dễ bị tổn thương cảnh quan sinh thái do xói lở bờ sông trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu địa không gian	1. Xây dựng được phương pháp đánh giá tính dễ bị tổn thương cảnh quan sinh thái do xói lở bờ sông trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu địa không gian. 2. Đề xuất giải pháp giảm thiểu thiệt hại cảnh quan sinh thái do xói lở bờ sông.	1. Báo cáo cơ sở khoa học trong việc đánh giá, lựa chọn dữ liệu thành phần, quy trình mã hóa, xử lý dữ liệu, phân tích khả năng tác động, ảnh hưởng của các yếu tố đó đến thay đổi cảnh quan sinh thái. 2. Báo cáo quy trình kỹ thuật đánh giá tính dễ bị tổn thương cảnh quan sinh thái do xói lở bờ sông trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu địa không gian. 3. Bộ dữ liệu địa không gian có liên quan đến xác định tính dễ bị tổn thương cảnh quan sinh thái do xói lở bờ sông cho một khu vực điển hình. 4. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 5. Kết quả công bố: - Bài báo quốc tế: 01 bài báo báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế (thuộc danh mục Scopus hoặc WoS). - Bài báo trong nước: 01 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành tính điểm ≥ 0,5. 6. Đào tạo 01 thạc sĩ.	Tuyển chọn
2	TNMT.ĐL.2025.06.04. Nghiên cứu cơ sở khoa học trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu ảnh vệ tinh quang học và LiDAR	1. Đề xuất được quy trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu ảnh vệ tinh quang học và LiDAR chiết xuất thông tin	1. Báo cáo cơ sở khoa học, thực tiễn, và kinh nghiệm quốc tế về khả năng ứng dụng ảnh viễn thám cho khảo sát, đo đạc địa hình đáy biển. 2. Quy trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo chiết xuất thông	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
	chiết xuất thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu địa hình đáy biển ven bờ, ven đảo Việt Nam hỗ trợ công tác điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường	để xây dựng cơ sở dữ liệu địa hình đáy biển ven bờ, ven đảo Việt Nam. 2. Xây dựng được cơ sở dữ liệu địa hình đáy biển Việt Nam thí điểm tại vùng ven bờ miền trung và ven đảo Phú Quốc từ quy trình đã đề xuất.	tin từ ảnh vệ tinh quang học và LiDAR để khảo sát, đo đạc phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu địa hình đáy biển vùng ven biển, ven đảo Việt Nam. 3. Bộ cơ sở dữ liệu địa hình đáy biển khu vực thực nghiệm được xây dựng từ việc ứng dụng các mô hình trí tuệ nhân tạo chiết xuất thông tin độ sâu đáy biển của ảnh vệ tinh quang học và LiDAR. 4. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 5. Công bố 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành tính điểm ≥ 0,5. 6. Đào tạo 01 thạc sĩ.	

Phụ lục 3

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỘC LẬP CẤP BỘ MỞ MỚI NĂM 2025
Lĩnh vực Biến đổi khí hậu

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
1	TNMT.ĐL.2025.08.05. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam	1. Đề xuất được cơ sở khoa học và thực tiễn giảm phát thải khí nhà kính từ việc ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn đối với xử lý chất thải rắn sinh hoạt. 2. Ước tính được lượng giảm phát thải khí nhà kính từ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn. 3. Đề xuất được mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp với một số công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Việt Nam.	1. Báo cáo kết quả nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn giảm phát thải khí nhà kính từ việc ứng dụng mô hình kinh tế tuần đối với xử lý chất thải rắn sinh hoạt. 2. Báo cáo kết quả tính toán lượng giảm phát thải khí nhà kính từ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn. 3. Báo cáo kết quả đề xuất mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp với một số công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Việt Nam. 4. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 5. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm ≥ 0,5. 6. Hỗ trợ đào tạo 1 thạc sĩ.	Tuyển chọn
2	TNMT.ĐL.2025.08.06. Nghiên cứu hoàn thiện phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp thông qua hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động của các nhà máy xi măng	1. Xác định dược cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc áp dụng phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp thông qua hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động. 2. Hoàn thiện được phương pháp kiểm kê phát thải khí	1. Báo cáo cơ sở lý luận cho việc áp dụng phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp thông qua hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động cho các nhà máy xi măng. 2. Báo cáo đề xuất hoàn thiện phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp thông qua hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động cho các nhà máy xi măng.	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
		nhà kính trực tiếp áp dụng cho các nhà máy xi măng có hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động. 3. Áp dụng thử nghiệm phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp áp dụng cho 1 nhà máy xi măng đã thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động và đánh giá hiệu quả. 4. Xây dựng được dự thảo hướng dẫn kĩ thuật áp dụng phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp đối với các cơ sở, nhà máy sản xuất xi măng có hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động.	3. Mô hình thử nghiệm phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp thông qua hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động cho các nhà máy xi măng. 4. Báo cáo kết quả thử nghiệm phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp áp dụng cho 1 nhà máy xi măng đã thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động. 5. Dự thảo hướng dẫn kỹ thuật áp dụng phương pháp kiểm kê phát thải khí nhà kính trực tiếp đối với các cơ sở, nhà máy sản xuất xi măng có hệ thống quan trắc khí thải liên tục, tự động. 6. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 7. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm ≥ 0,5. 8. Đào tạo 01 thạc sĩ.	
3	TNMT.ĐL.2025.08.07. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng các chính sách môi trường giúp doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) của Liên minh Châu Âu và các cơ chế tương tự CBAM	1. Cung cấp đầy đủ cơ sở khoa học cập nhật về các chính sách trên thế giới về Điều chỉnh biên giới các-bon (BCA). 2. Đánh giá được tác động của EU CBAM và các cơ chế tương tự CBAM đến hoạt động khai báo Báo cáo cường	1. Báo cáo tổng quan cơ sở khoa học cập nhật về các chính sách trên thế giới về Điều chỉnh biên giới các-bon (BCA). 2. Báo cáo đánh giá tác động của EU CBAM và các cơ chế tương tự CBAM đến hoạt động khai báo Báo cáo cường độ phát thải cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang EU và các quốc gia khác có quy định về BCA.	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
		độ phát thải cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang EU và các quốc gia khác có quy định về BCA. 3. Xác định được cơ sở khoa học và thực tiễn về mối liên quan giữa công cụ định giá carbon trong nước của Việt Nam với định giá của Chứng chỉ EU CBAM (CBAM certificate). 4. Đề xuất được các giải pháp chính sách ứng phó cho Việt Nam để xác định được trách nhiệm của doanh nghiệp Việt Nam theo phạm vi tính toán cường độ phát thải KNK của sản phẩm theo chuỗi cung ứng (thí điểm với các sản phẩm xi măng, và/hoặc nhôm hoặc/và thép).	3. Báo cáo cơ sở khoa học và thực tiễn về mối liên quan giữa công cụ định giá carbon trong nước của Việt Nam với định giá của Chứng chỉ EU CBAM (CBAM certificate). 4. Báo cáo đề xuất giải pháp chính sách ứng phó cho Việt Nam để xác định được trách nhiệm của doanh nghiệp Việt Nam theo phạm vi tính toán cường độ phát thải KNK của sản phẩm theo chuỗi giá trị, bao gồm đơn vị cung cấp nguyên vật liệu chính, đơn vị chế biến chế tạo và đơn vị phân phối sản phẩm (thí điểm với các sản phẩm xi măng, và/hoặc nhôm hoặc/và thép chịu tác động của EU CBAM). 5. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 6. 01 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm ≥ 0,5.	

Phụ lục 4

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỘC LẬP CẤP BỘ MỞ MỚI NĂM 2025
Lĩnh vực Tổng hợp

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
1	TNMT.ĐL.2025.11.01. Nghiên cứu cơ sở khoa học, đề xuất quy trình và hướng dẫn kỹ thuật thực hiện hạch toán tài nguyên nước cho lưu vực sông ở Việt Nam, áp dụng thí điểm cho lưu vực sông Đồng Nai	1. Hệ thống hóa cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế về hạch toán tài nguyên nước trên lưu vực sông. 2. Đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật, yêu cầu đặt ra cho quản lý tài nguyên nước, tổ chức bộ máy, cơ sở dữ liệu, năng lực thực hiện hạch toán tài nguyên nước theo lưu vực sông ở Việt Nam. 3. Thí điểm áp dụng hạch toán tài nguyên nước tại lưu vực sông Đồng Nai. 4. Xây dựng, đề xuất quy trình và tài liệu hướng dẫn thực hiện hạch toán tài nguyên nước cho lưu vực sông ở Việt Nam.	1. Báo cáo cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về hạch toán tài nguyên nước theo lưu vực sông. 2. Báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật, yêu cầu đặt ra cho quản lý tài nguyên nước, tổ chức bộ máy, cơ sở dữ liệu, năng lực thực hiện gắn với việc thực hiện hạch toán tài nguyên nước theo lưu vực sông ở Việt Nam. 3. Báo cáo đề xuất quy trình thực hiện hạch toán tài nguyên nước theo lưu vực sông tại Việt Nam. 4. Báo cáo kết quả thử nghiệm hạch toán tài nguyên nước tại lưu vực sông Đồng Nai. 5. Dự thảo tài liệu hướng dẫn thực hiện hạch toán tài nguyên nước cho lưu vực sông. 6. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 7. 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm ≥ 0,5.	Tuyển chọn
2	TNMT.ĐL.2025.11.02. Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp thúc đẩy thực hiện	1. Cung cấp cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về thực	1. Báo cáo cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về thực hiện kinh tế tuần hoàn trong quản lý tài nguyên.	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
	kinh tế tuần hoàn trong quản lý tài nguyên của ngành tài nguyên và môi trường	hiện kinh tế tuần hoàn trong quản lý tài nguyên. 2. Đánh giá thực trạng quy định pháp luật và tổ chức thực hiện kinh tế tuần hoàn trong công tác quản lý tài nguyên của ngành tài nguyên và môi trường. 3. Đề xuất giải pháp thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn trong quản lý tài nguyên của ngành tài nguyên và môi trường.	2. Báo cáo đánh giá thực trạng quy định pháp luật và tổ chức thực hiện kinh tế tuần hoàn trong công tác quản lý tài nguyên của ngành tài nguyên và môi trường. 3. Báo cáo đề xuất giải pháp thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn trong quản lý tài nguyên của ngành tài nguyên và môi trường. 4. Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. 5. 01 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm ≥ 0,5.	